

Bản án số: 197/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 12 - 2023

V/v ly hôn giữa chị Ngà và anh Hoàng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Chung

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đức Chạc, ông Lê Văn Chính

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Ngọc N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn nguyên đơn Chị Tạ Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân H kết hôn ngày 16/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã N. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn. Về con chung: Chị N xác định vợ

chồng không có con chung. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Nguyễn Xuân H không có mặt. Lời khai của ông Nguyễn Văn H1 (là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân H) tại các buổi làm việc với Tòa án trình bày phù hợp với lời khai của nguyên đơn về quá trình kết hôn chung sống giữa anh H và chị N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H chị N chung sống hoà thuận hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh H chị N ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh H thì phía bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung giữa anh H và chị N không có con chung. Về tài sản chung anh H và chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử ly hôn giữa chị Tạ Thị Ngọc N và anh Nguyễn Xuân H. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với chị N theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tạ Thị Ngọc N và bị đơn anh Nguyễn Xuân H cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa vắng mặt anh H nhưng do anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Ngọc N và Anh Nguyễn Xuân H kết hôn vào ngày 16 tháng 5 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã N. Việc kết hôn là tự

nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy hôn nhân giữa chị Tạ Thị Ngọc N và Anh Nguyễn Xuân H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn tới việc vợ chồng ly thân từ năm 2022 đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy vợ chồng anh H chị N sống ly thân đã lâu, hôn nhân đã tan vỡ đời sống chung không tồn tại mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh H không có tài sản chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị Ngọc N phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị Ngọc N và anh Nguyễn Xuân H.

2. Về án phí: Chị Tạ Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0001042 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị N, vắng mặt anh H. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã Nghĩa Châu;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Phạm Văn Chung**